TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2017/DS-PT
Ngày: 29-12-2017
Về việc: Tranh chấp đòi lại
quyền sử dụng đất cho mượn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Khải
Các Thẩm phán: 1/. Ông Thái Rết
2/. Bà Tăng Thị Thúy Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 268/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Minh S, sinh năm 1991, địa chỉ: Số 17, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1/. Ông Võ Văn T, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

2/. Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1965, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

2/. Ông Võ Minh S1, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Việt H, sinh năm 1966, địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh S, là người đại diện theo ủy quyền của ông S1, theo Giấy ủy quyền ngày 08-12-2017 (có mặt).

3/. Ông Võ Minh S2, sinh năm 1998, Số 17, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

4/. Ông Võ Hoàng L, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

5/. Bà Võ Thị Cẩm H1, sinh năm 1995, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

6/. Bà Võ Thị Cẩm D, sinh năm 1998, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

7/. Bà Võ Thị Hồng Đ, sinh năm 1998, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

8/. Ông Võ Hoàng L1, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2001, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-11-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Minh S và người đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày:

Vào ngày 14-5-2004, cha mẹ của ông Võ Minh S là ông Võ Minh S3 (đã chết ngày 26-02-2016) và bà Lê Thị T2 có cho vợ chồng người cháu của ông S3 là ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1 mượn một phần đất nền nhà diện tích 80m^2, thuộc thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S, để cất nhà ở. Phần đất nêu trên lúc đó thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Võ Minh S3 và bà Lê Thị T2, đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31-01-2002, do ông S3 đại diện đứng tên. Việc cho mượn đất nêu trên ông T và bà T1 có làm giấy mượn đất từ ba năm đến năm năm và ký tên vào giấy, giao cho ông S3 và bà T2 giữ. Ông S3 và bà T2 đồng ý cho mượn phần đất trên.

Hết thời hạn 05 năm, do thấy gia đình ông T và bà T1 còn nghèo khó, chưa có chỗ ở khác nên ông S3và bà T2 chưa đòi lại đất cho mượn.

Năm 2012, ông S3 và bà T2 ly hôn, Tòa án giải quyết giao toàn bộ phần đất thuộc thửa số 78, tờ bản đồ số 05 nêu trên cho ông S3 được toàn quyền sử dụng hợp pháp. Đến năm 2015, ông S3 và bà T2 hàn gắn lại tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng. Sau đó, ông S3 yêu cầu ông T và bà T1 trả lại phần đất đã cho mượn nhưng ông T, bà T1 không đồng ý trả và cho rằng phần đất mượn trước đây đã được bà nội là bà Lê Thị Đ1 (T3) và ông Võ Minh S3 làm giấy đồng ý cho tặng. Giấy mang tên "Giấy chứng kiến", diện tích 250m^2 (5m x 50m).

Sau khi phát hiện ông T, bà T1 giả mạo chữ ký của mình trong "Giấy chứng kiến" nêu trên, vào năm 2015 ông S3 đã có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà T1 trả lại đất nhưng chưa giải quyết xong thì ông S3 chết (chết ngày 26-02-2016).

Nay ông Võ Minh S yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Đ1, ông Võ Minh S3 với vợ chồng ông Võ Văn T, bà Đặng Thị T1 đối với phần đất thuộc thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S là vô hiệu, đồng thời buộc ông T và bà T1 tháo dỡ toàn bộ tài sản gắn liền với đất để trả lại cho các con của ông Võ Minh Sỹ, là những người thừa kế theo pháp luật của ông Sỹ, phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 251m^2 thuộc thửa số 78 nêu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-6-2017 bị đơn ông Võ Văn T trình bày:

Phần đất tranh chấp nêu trên có nguồn gốc là của ông bà nội của ông là ông Võ Văn Trong và bà Lê Thị T3 (Đ1), cả hai đều đã chết, cho tặng ông Võ Minh S3 (chú của ông). Sau đó, ông S3 cho tặng lại ông. Năm 2001, gia đình ông đến cất nhà ở trên phần đất thuộc thửa số 78 nêu trên. Đến năm 2014, địa phương xét cấp tiền để xây dựng nhà tình thương cho gia đình ông trên phần đất trên.

Vào năm 2010, bà nội là bà Lê Thị T3 (Đ1) và chú là ông Võ Minh S3 làm giấy cho tặng cho ông phần đất trên (ngang 5m, dài 50m). Việc cho tặng trên có làm "Giấy chứng kiến", giấy do ông Thạch Sanh viết hộ. Chữ ký tên của bà Lê Thị Đ1 trong Giấy nêu trên là do ông S4 ký hộ, chứ bà Đ1 không biết chữ, không biết ký tên. Vào năm 2015 ông S3 có đòi lại phần đất nêu trên.

Ông đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp nêu trên theo giá Nhà nước quy định vì hiện nay gia đình ông gặp nhiều khó khăn về chỗ ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T2, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các ông Võ Minh S1 và Võ Minh S2, trình bày:

Trước đây bà là vợ của ông Võ Minh Sỹ, năm 2012 bà và ông S3 đã ly hôn. Ông S3 có 03 người con chung là Võ Minh S, Võ Minh S1 và Võ Minh S2. Ông S1 và ông S2 cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S là yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1 trả lại phần đất ông Võ Minh S3 cho mượn nêu trên.

Các ông, bà Đặng Thị T1, Võ Hoàng L, Võ Thị Cẩm H1, Võ Thị Cẩm D, Võ Thị Hồng Đ và Võ Hoàng L1 không có lời trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Minh S. Tuyên bố hợp đồng tặng cho đất liên quan đến thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S giữa ông Võ Minh S3 với vợ chồng ông Võ Văn T, bà Đặng Thị T1 bị vô hiệu. Buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Văn T, bà Đặng Thị T1 có nghĩa vụ trả lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích 215m^2, tại thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Svới số tiền là 10.775.000 đồng (mười triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho các đồng thừa kế của ông Võ Minh S3 gồm Võ Minh S, Võ Minh S1 và Võ Minh S2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông S, ông S1 và ông S2 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông T, bà T1 chậm thực hiện trả số tiền trên thì ông T, bà T1 phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Giao phần đất diện tích 215m^2 (theo đo đạc thực tế), tại thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Scho vợ chồng ông T, bà T1 được quyền quản lý, sử dụng. Phần đất có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp lộ đal có số đo 05m;

+ Hướng Tây giáp phần đất anh Võ Minh S có số đo 05m;

+ Hướng Nam giáp phần đất của bà Trương Thị T4 (thửa 76) có số đo 43m;

+ Hướng Bắc giáp phần đất anh Võ Minh S có số đo 43m.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật vợ chồng ông T, bà T1 có trách nhiệm làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản; án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-10-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh S1 kháng cáo không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất mà yêu cầu buộc các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải giao trả phần đất có diện tích 215m^2, tại thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông Võ Minh S1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông S1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự đa số chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng các bị đơn T và T1 cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà L, H1, D, Đ và L1 mặc dù đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh S1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm ghi ngày ban hành bản án không đúng theo hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Võ Minh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T2 và ông Võ Minh S2 vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Riêng các bị đơn ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Võ Hoàng L, Võ Thị Cẩm H1, Võ Thị Cẩm D, Võ Thị Cẩm Đ và Võ Hoàng L1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 27-9-2017, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án, đến ngày 28-9-2017 tuyên án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại ghi bản án sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 27-9-2017 là không đúng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP, ngày 13-01-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự (Mẫu số 52-DS). Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại ngày ban hành bản án sơ thẩm cho đúng là ngày 28-9-2017. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Nguyên đơn ông Võ Minh S khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1 phải trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 215m^2, thuộc một phần của thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S, với lý do vào năm 2004 cha, mẹ của nguyên đơn là ông Võ Văn S3(đã chết) và bà Lê Thị T2 cho các bị đơn Tvà T1 mượn phần đất nêu trên để cất nhà ở. Đồng thời yêu cầu tuyên bố hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất liên quan đến thửa số 78 giữa ông Võ Văn S3 với vợ chồng ông Võ Văn T, bà Đặng Thị T1 là vô hiệu. Bị đơn Võ Văn T thì trình bày rằng ông được Nhà nước cất nhà tình thương trên phần đất trên vào năm 2004, sau đó đến năm 2010, chú ruột của ông là ông Võ Văn S3 và bà nội của ông là bà Lê Thị T3, còn gọi là Đ1 (đã chết) cho tặng vợ chồng ông phần đất nêu trên. Việc cho tặng đất có làm giấy trao tay, có tên là "Giấy chứng kiến" đề ngày 27-10-2010.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh S. Tuyên bố hợp đồng tặng cho đất liên quan đến thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sgiữa ông Võ Minh S3 với vợ chồng ông Võ Văn T, bà Đặng Thị T1 bị vô hiệu. Buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Văn T, bà Đặng Thị T1 có nghĩa vụ trả lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích

215m^2, tại thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S với số tiền là 10.775.000 đồng (mười triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho các đồng thừa kế của ông Võ Minh S3gồm cac ông Võ Minh S, Võ Minh S1 và Võ Minh S2.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh S1 kháng cáo không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất mà yêu cầu buộc các bị đơn Tvà T1 phải giao trả phần đất tranh chấp.

Xét thấy:

[6] Gia đình các bị đơn Võ Văn T và Đặng Thị T1 đã được chính quyền địa phương xét cấp kinh phí để xây dựng nhà tình thương trên phần đất nêu trên từ năm 2004 đến nay, được sự đồng ý của ông Võ Văn S3 và bà Lê Thị T2. Hiện nay gia đình các bị đơn có tất cả 07 (bảy) người sống trong căn nhà xây dựng trên phần đất trên, hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, phải đi làm thuê kiếm sống. Ngoài chỗ ở nêu trên gia đình các bị đơn không còn chỗ ở nào khác và cũng không có đất khác để có thể xây dựng nhà ở. Vì vậy, cần ổn định cho gia đình các bị đơn được tiếp tục ở trên phần đất trên, nhưng các bị đơn phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho phía nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử ổn định phần đất tranh chấp cho vợ chồng các bị đơn được quyền quản lý, sử dụng và buộc các bị đơn phải trả giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản là có căn cứ, hợp tình và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh S1.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm vẫn được giữ nguyên nên người kháng cáo là ông Võ Minh S1 phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006078 ngày 12-10-2017, ông S1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Minh S1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 28-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

a) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh S. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất liên quan đến thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S giữa ông Võ Minh S3, bà Lê Thị T3 (Đ1) với vợ chồng ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1 bị vô hiệu.

Buộc các bị đơn ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1 có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 215m^2, thuộc một phần của thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Svới số tiền là 10.775.000 đồng (mười triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho các đồng thừa kế của ông Võ Minh S3 gồm các ông Võ Minh S, Võ Minh S1 và Võ Minh S2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các ông S, S1 và S2 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông T, bà T1 chậm thực hiện trả số tiền trên thì ông T, bà T1 phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015.

b) Giao phần đất diện tích 215m^2 (theo đo đạc thực tế), thuộc một phần của thửa số 78, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S cho vợ chồng ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1 được quyền quản lý, sử dụng. Phần đất có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp lộ đal, có số đo 05m;

+ Hướng Tây giáp phần đất của ông Võ Minh S, có số đo 05m;

+ Hướng Nam giáp phần đất của bà Trương Thị T4 (thửa số 76), có số đo 43m;

+ Hướng Bắc giáp phần đất của ông Võ Minh S, có số đo 43m.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T và bà T1 được quyền tiến hành thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

- Các bị đơn ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1 phải liên đới chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 2.832.766đ (hai triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng). Ông T và bà T1 phải nộp số tiền trên để trả lại cho nguyên đơn ông Võ Minh S.

- Nguyên đơn ông Võ Minh S được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản thừa là 167.234đ (một trăm sáu mươi bảy ngàn, hai trăm ba mươi bốn đồng), nhận tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

d) Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1 phải liên đới nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Võ Minh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Sső tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002289 ngày 22-11-2016.

2/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Minh S1 phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006078 ngày 12-10-2017, ông S1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Đức Khải

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.